

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 21/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2848A/TTr-SKHĐT ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 với số vốn 7.242 tỷ 236 triệu đồng cho các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện (Có các biểu kế hoạch vốn chi tiết kèm theo).

Điều 2.

1. Giao các chủ đầu tư: Thực hiện ngay việc lập và trình phê duyệt thiết kế - dự toán trong tháng 01/2022; có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng; các công trình, dự án khởi công mới năm 2022 phải khởi công chậm nhất trong quý I/2022; đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực kỹ thuật và tài chính, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ thi công, bảo đảm chất lượng công trình, hàng hóa, dịch vụ; khẩn trương hoàn thiện hồ sơ của các công trình, dự án có khối lượng được nghiệm thu, làm thủ tục thanh toán ngay với Kho bạc nhà nước, không dồn vốn vào cuối năm mới thanh toán. Đối với các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, phải khẩn trương phê duyệt quyết toán, giải ngân hết số vốn cho các nhà thầu.

2. Các sở chuyên ngành: Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, tổ chức thực hiện các quy định về lập, thiết kế - dự toán xây dựng công trình, tổ chức lựa chọn nhà thầu; giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

3. Giao các Sở: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế và các đơn vị có liên quan thực hiện tốt công tác đấu giá quyền sử dụng đất và định giá đất đối với dự án đấu giá quyền sử dụng đất để đảm bảo nguồn thu theo dự toán đã giao; căn cứ tiến độ thu ngân sách, Sở Tài chính kịp thời nhập Tabmis toàn bộ kế hoạch vốn đã giao để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư giải ngân các nguồn vốn.

4. Đối với vốn tỉnh phân cấp các huyện, thị xã, thành phố quản lý: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Giao chi tiết kế hoạch vốn cho các đơn vị, chủ đầu tư trực thuộc (sau khi đã thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp) và báo cáo kết quả giao vốn về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Việc phân bổ vốn năm 2022 phải đảm bảo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

- + Danh mục dự án bố trí vốn năm 2022 phải thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và đáp ứng điều kiện bố trí kế hoạch vốn theo quy định của Luật Đầu tư công.

- + Bố trí đủ vốn cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (vốn tất toán các công trình đã quyết toán).

- + Bố trí lại kế hoạch vốn cho những dự án đã cắt giảm năm 2021 (nếu có).

- + Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp phải hoàn thành năm 2022 theo tiến độ, đồng thời bảo đảm thời hạn bố trí vốn của từng dự án theo đúng quy định, dự án nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 03 năm.

- + Bố trí đủ vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, các Chương trình mục tiêu quốc gia.

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, số vốn còn lại mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư.

- Việc triển khai giao kế hoạch vốn phải đảm bảo đúng cơ cấu về nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và khả năng huy động của địa phương cho các xã nông thôn mới về đích năm 2022.

- Bố trí vốn xây dựng cơ bản phải đảm bảo đúng tính chất, nội dung, không bố trí vốn cho các công trình phải sử dụng nguồn vốn sự nghiệp như công trình duy tu, sửa chữa, bảo trì các cơ sở vật chất hiện có.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan có liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định pháp luật.

5. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Thực hiện rà soát báo cáo phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 vốn tỉnh phân cấp các huyện, thị xã, thành phố quản lý. Trường hợp phát hiện phân bổ không đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn, tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của kế hoạch vốn đầu tư công đã được giao, không đảm bảo các yêu cầu theo quy định của pháp luật đầu tư công, có ý kiến bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố sau khi nhận được báo cáo phân bổ của địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh họp giao ban xây dựng cơ bản định kỳ hằng tháng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Chủ động rà soát, cắt giảm vốn đối với các dự án triển khai chậm, bổ sung vốn cho các dự án có khối lượng hoàn thành cao, đảm bảo giải ngân hết kế hoạch được giao.

6. Giao Kho bạc Nhà nước Bình Phước chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục vận hành hệ thống báo cáo giải ngân kế hoạch vốn đã giao đảm bảo chính xác, kịp thời.

7. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các chủ đầu tư: Xem giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 là nhiệm vụ chính trị trọng tâm. Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án kết nối, dự án có tác động liên kết vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn kết quả giải ngân với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đến hết niên độ ngân sách năm 2022, chủ đầu tư không giải ngân tối thiểu đạt 90% kế hoạch được giao là một trong các tiêu chí để xem xét, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và cán bộ, công chức liên quan theo quy định. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân



tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, hằng quý báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 đồng gửi các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Văn phòng UBND tỉnh.

8. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan tổ chức phát động phong trào thi đua đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022, phấn đấu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đã giao.

9. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được phép giải ngân đến ngày 31/01/2023.

10. Quyết định này thay thế Quyết định số 1793/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2022 (đợt 1).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT. HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT. (175Binh) *ge*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH



Trần Tuệ Hiền



BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	
	TỔNG SỐ	7.242.236	7.154.736	87.500	
I	Vốn ngân sách địa phương	6.173.336	6.154.736	18.600	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	477.840	477.840		
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	4.893.296	4.893.296		
	Khối tỉnh	3.398.600	3.398.600		
	Khối huyện	1.494.696	1.494.696		
3	Đầu tư từ nguồn thu Xổ số kiến thiết	753.600	753.600		
4	Đầu tư từ nguồn bồi chi ngân sách địa phương	18.600		18.600	Tỉnh vay lại TW vốn ADB của dự án Minh Lập-Lộc Hiệp
5	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	30.000	30.000		
II	Vốn ngân sách trung ương	1.068.900	1.000.000	68.900	
1	Vốn trong nước	1.000.000	1.000.000		
2	Vốn nước ngoài	68.900		68.900	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					25.872		25.872				
9	Huyện Lộc Ninh					165.340	34.020	131.320				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					39.396		39.396				
10	Huyện Bù Đốp					66.535	23.415	43.120				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					12.936		12.936				
11	Huyện Phú Riềng					159.705	24.465	135.240				
	Trong đó:											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%					40.572		40.572				
B	Vốn thực hiện dự án		12.492.001	11.280.400	1.964.903	3.808.130	114.497	3.010.833	634.200	18.600	30.000	
B1	Dự án chuyển tiếp		6.607.001	5.454.800	1.875.083	1.880.712	114.497	1.458.815	258.800	18.600	30.000	
I	Đối ứng dự án PPP			163.500	74.400	70.600	-	70.600	-	-	-	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài			163.500	74.400	70.600		70.600				Sở Xây dựng
II	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		5.145.001	4.060.500	1.249.495	1.261.330	60.000	1.152.730	-	18.600	30.000	-
1	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	282.609	219.800	73.600	47.330		47.330				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng cầu dân sinh	3282/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	135.000	121.000	75.000	46.000		46.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	30.600	35.000		35.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	1622/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	200.000	160.000	82.000	78.000		78.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	1996/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	180.000	162.000	84.000	78.000		78.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	1969/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	100.000	90.000	1.000	30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	154.100	103.500	50.600		32.000		18.600		Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
8	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	27.800	15.800	12.000		12.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	212/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	80.000	65.000	50.200	14.800		14.800				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bàu Nám, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Nám)	2023/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	70.000	63.000	34.000	29.000		29.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	213/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	340.000	306.000	10.000	50.000		50.000				UBND Huyện Đồng Phú
12	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	2803/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	40.000	36.000	6.000	30.000		30.000				UBND huyện Đồng Phú
13	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	215/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	130.000	117.000	5.000	35.000		35.000				UBND huyện Đồng Phú
14	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	2129/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	372.000	334.800	100.000	30.000		30.000				UBND huyện Đồng Phú
15	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	2021/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	270.000	243.000	25.000	40.000		40.000				UBND huyện Hớn Quản
16	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	3316/QĐ-UBND ngày 29/12/2020	60.000	54.000	10.000	24.000		24.000				UBND huyện Hớn Quản
17	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	550/QĐ-UBND ngày 05/3/2021	180.000	162.000	15.000	50.000		50.000				UBND huyện Hớn Quản
18	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	1988/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	250.000	225.000	45.000	60.000	60.000					UBND thành phố Đồng Xoài
19	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riềng Đỏ đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	1989/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000	15.000	12.000		12.000				UBND thành phố Đồng Xoài
20	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	1987/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	55.000	49.500	39.000	10.500		10.500				UBND thị xã Phước Long
21	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	1945/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	80.000	72.000	40.000	32.000		32.000				UBND thị xã Phước Long
22	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	2067/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	70.000	63.000	24.300	38.700		38.700				UBND thị xã Bình Long
23	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	2141/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	130.000	117.000	895	40.000		40.000				UBND huyện Chơn Thành
24	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	2206/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	80.000	72.000	36.000	36.000		36.000				UBND huyện Chơn Thành
25	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	2175/QĐ-UBND ngày 01/9/2020	80.000	72.000	30.000	22.000		22.000				UBND huyện Bù Đăng
26	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	2142/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	60.000	54.000	3.000	30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
27	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	595/QĐ-UBND ngày 12/3/2021	60.000	54.000	3.000	30.000		30.000				UBND huyện Bù Đăng
28	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	2028/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	90.000	81.000	60.000	21.000		21.000				UBND huyện Lộc Ninh
29	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk O (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	2140/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	150.000	135.000	20.000	30.000					30.000	UBND huyện Bù Gia Mập
30	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia mập	2125/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	90.000	81.000	39.000	42.000		42.000				UBND huyện Bù Gia Mập
31	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	2026/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	40.000	36.000	26.000	10.000		10.000				UBND huyện Bù Đốp
32	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	190.000	80.000	42.600	37.400		37.400				UBND huyện Lộc Ninh
33	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2022/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	85.000	76.500	25.000	25.000		25.000				UBND huyện Phú Riềng
34	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	1230/QĐ-UBND ngày 13/5/2021	200.000	180.000	5.000	55.000		55.000				UBND huyện Phú Riềng
35	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	2041/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	25.000	30.000		30.000				UBND huyện Phú Riềng
36	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	100.000	70.000	50.000	20.000		20.000				UBND huyện Phú Riềng
III	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		260.000	234.000	61.960	109.600	-	109.600	-	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	2025/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	100.000	90.000	26.300	30.000		30.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	2908/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	60.000	54.000	260	25.000		25.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương công thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	2029/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	14.400	30.600		30.600				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng mương, công thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	2024/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	50.000	45.000	21.000	24.000		24.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
IV	Thủy lợi		60.000	54.000	32.000	22.000	-	22.000	-	-	-	
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cánh Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	2027/QĐ-UBND ngày 20/8/2020	30.000	27.000	10.000	17.000		17.000				UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	1985/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	30.000	27.000	22.000	5.000		5.000				UBND huyện Hớn Quản
V	Giáo dục và Đào tạo		681.500	576.000	234.500	238.500	-	-	238.500	-	-	
1	Trường Cao đẳng Bình Phước	2953/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	150.000	110.000	60.000	50.000			50.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	1643a/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	71.500	51.500	25.500	25.000			25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	2077/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	85.000	77.000	20.000	30.000			30.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng trường THPT Bình Long	1990/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	150.000	135.000	35.000	35.000			35.000			UBND thị xã Bình Long
5	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	1407/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	30.000	27.000	12.000	15.000			15.000			UBND huyện Bù Đốp
6	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1125/QĐ-UBND ngày 4/5/2021	15.000	13.500	6.000	7.500			7.500			UBND huyện Bù Đăng
7	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	1149/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	15.000	13.500	6.000	7.500			7.500			UBND huyện Bù Đăng
8	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	2146/QĐ-UBND ngày 28/8/2020	50.000	45.000	20.000	15.000			15.000			UBND huyện Bù Đăng
9	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	560/QĐ-UBND ngày 08/3/2021	20.000	18.000	11.000	7.000			7.000			UBND huyện Bù Đăng
10	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	1975/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	50.000	45.000	25.000	20.000			20.000			UBND huyện Lộc Ninh
11	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	1103/QĐ-UBND ngày 29/4/2021	15.000	13.500	6.000	7.500			7.500			UBND huyện Lộc Ninh
12	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	3094/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	30.000	27.000	8.000	19.000			19.000			UBND huyện Bù Gia Mập
VI	Y tế		68.500	48.500	28.200	20.300	-	-	20.300	-	-	
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68.500	48.500	28.200	20.300			20.300			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Văn hóa xã hội		255.000	229.500	89.800	89.700	22.000	67.700	-	-	-	
1	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	3284/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	150.000	135.000	63.800	31.200		31.200				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	1691/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	30.000	27.000	5.000	22.000	22.000					Đài PTTH và Báo Bình Phước
3	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	1689/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	35.000	31.500	5.000	26.500		26.500				Đài PTTH và Báo Bình Phước
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	2124/QĐ-UBND ngày 27/08/2020	40.000	36.000	16.000	10.000		10.000				UBND huyện Bù Gia Mập
VIII	Quốc phòng - An ninh		77.000	30.000	15.200	14.800	-	14.800	-	-	-	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	2312/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	52.000	20.000	12.000	8.000		8.000				Công an tỉnh
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	2261/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	25.000	10.000	3.200	6.800		6.800				Công an tỉnh
IX	Tất toán công trình đã quyết toán				63.225	21.385		21.385				Phụ lục 1.2
X	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch		60.000	58.800	26.303	32.497	32.497					Sở KHĐT
B2	Dự án khởi công mới		5.885.000	5.825.600	89.820	1.927.418	-	1.552.018	375.400	-	-	
I	Giao thông và Hạ tầng đô thị		4.580.000	4.129.100	4.500	1.229.018	-	1.229.018	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	3075/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	1.450.000	1.305.000	3.000	264.549		264.549				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng đường nối Đồng Tiến - Tân Phú nối dài đến Tân Lập	1355/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	200.000	180.000		50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022					Chủ đầu tư	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh
3	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	1328/QĐ-UBND ngày 24/5/2021	440.000	396.000		130.469		130.469				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	3076/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	450.000	405.000	1.500	50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	3077/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	80.000	72.000		40.000		40.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1920/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	40.000	36.000		15.000		15.000				UBND huyện Bù Đăng
7	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	3240/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	100.000	90.000		30.000		30.000				UBND huyện Chơn Thành
8	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	1274/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND huyện Chơn Thành
9	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	2683/QĐ-UBND ngày 18/10/2021	80.000	72.000		30.000		30.000				UBND huyện Chơn Thành
10	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	584/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND huyện Bù Gia Mập
11	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	2408/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	75.000	67.500		38.000		38.000				UBND huyện Bù Gia Mập
12	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	362/QĐ-UBND ngày 05/2/2021	55.000	49.500		22.000		22.000				UBND huyện Bù Đốp
13	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	2063/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	160.000	144.000		40.000		40.000				UBND huyện Bù Đốp
14	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	3281/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	120.000	115.000		20.000		20.000				UBND huyện Bù Đốp
15	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	236/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	80.000	72.100		40.000		40.000				UBND huyện Bù Đốp
16	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	2209/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	80.000	72.000		35.000		35.000				UBND thị xã Phước Long
17	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	2205/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND thị xã Phước Long
18	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	2208/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				UBND thị xã Phước Long
19	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	3025/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	50.000	45.000		17.000		17.000				UBND thị xã Phước Long
20	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	588/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	130.000	117.000		30.000		30.000				UBND thị xã Bình Long
21	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	469/QĐ-UBND ngày 26/2/2021	130.000	117.000		80.000		80.000				UBND thị xã Bình Long



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022					Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	
22	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	2204/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	30.000	27.000	20.000		20.000				UBND huyện Lộc Ninh
23	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	2138/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	30.000	27.000	15.000		15.000				UBND huyện Lộc Ninh
24	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	1461/QĐ-UBND ngày 03/7/2021	45.000	40.500	20.000		20.000				UBND huyện Lộc Ninh
25	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	2409/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	80.000	72.000	20.000		20.000				UBND thành phố Đồng Xoài
26	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	1431/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	65.000	58.500	45.000		45.000				UBND thành phố Đồng Xoài
27	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	3072/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000	15.000		15.000				UBND huyện Phú Riềng
28	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	2084/QĐ-UBND ngày 16/8/2021	50.000	45.000	15.000		15.000				UBND huyện Phú Riềng
29	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hơn Quán)	3195/QĐ-UBND ngày 23/12/2021	90.000	81.000	15.000		15.000				UBND huyện Phú Riềng
30	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quán	2064/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	110.000	99.000	12.000		12.000				UBND huyện Hớn Quán
II	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		200.000	180.000	-	60.000	-	60.000	-	-	-
1	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	1029/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	1127/QĐ-UBND ngày 04/5/2021	50.000	45.000	15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	1030/QĐ-UBND ngày 23/4/2021	50.000	45.000	15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	809/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	50.000	45.000	15.000		15.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
III	Nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp		20.000	50.000	7.000	20.000	-	20.000			
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	1420/QĐ-UBND ngày 01/6/2021	20.000	18.000	10.000		10.000				Chi cục Kiểm Lâm
2	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã			32.000	7.000	10.000		10.000			Liên minh HTX tỉnh
IV	Giáo dục và Đào tạo		455.000	899.500	78.320	383.400	-	98.000	285.400	-	-
1	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	2212/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	300.000	270.000	1.320	50.000			50.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Hỗ trợ các huyện xây dựng 390 phòng học			490.000	77.000	273.000	-	98.000	175.000	-	-
2.1	Thị xã Bình Long (30 phòng)					21.000		7.000	14.000		
2.2	Thị xã Phước Long (30 phòng)					21.000		7.000	14.000		
2.3	Huyện Phú Riềng (70 phòng)					49.000		14.000	35.000		
2.4	Huyện Đồng Phú (30 phòng)					21.000		7.000	14.000		

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
2.5	Huyện Hớn Quản (40 phòng)					28.000		7.000	21.000			
2.6	Huyện Bù Gia Mập (30 phòng)				21.000	21.000		7.000	14.000			
2.7	Huyện Lộc Ninh (50 phòng)					35.000		14.000	21.000			
2.8	Huyện Bù Đốp (10 phòng)				21.000	7.000			7.000			
2.9	Huyện Bù Đăng (100 phòng)				35.000	70.000		35.000	35.000			
3	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	2458/QĐ-UBND ngày 30/9/2020; 2808/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	25.000	22.500		12.400			12.400			UBND huyện Đồng Phú
4	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	237/QĐ-UBND ngày 26/01/2021	30.000	27.000		10.000			10.000			UBND huyện Hớn Quản
5	Trường mẫu giáo Hoa Phượng xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2072/QĐ-UBND ngày 13/8/2021	20.000	18.000		9.000			9.000			UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	1995/QĐ-UBND ngày 19/8/2020	20.000	18.000		9.000			9.000			UBND huyện Lộc Ninh
7	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	153/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	30.000	27.000		10.000			10.000			UBND huyện Bù Đốp
8	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	883/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	30.000	27.000		10.000			10.000			UBND huyện Bù Đốp
V	Y tế		250.000	225.000	-	90.000	-	-	90.000	-	-	
1	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	2213/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000		25.000			25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	2207/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	50.000	45.000		25.000			25.000			Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	3280/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	150.000	135.000		40.000			40.000			Sở Y tế
VI	Văn hóa xã hội		250.000	225.000	-	90.000	-	90.000	-	-	-	
1	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	2833/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	130.000	117.000		40.000		40.000				Đài PTTH và Báo Bình Phước
2	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	3078/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	120.000	108.000		50.000		50.000				Ban QLDA ĐTXD tỉnh
VII	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số		60.000	54.000	-	30.000	-	30.000	-	-	-	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	3145/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	60.000	54.000		30.000		30.000				Sở TT&TT
VIII	Quốc phòng - An ninh		70.000	63.000	-	25.000	-	25.000	-	-	-	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	152/QĐ-UBND ngày 19/01/2021	35.000	31.500		15.000		15.000				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
2	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	3004/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	35.000	31.500		10.000		10.000				Công an tỉnh



STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự án/phê duyệt chủ trương đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Đã bố trí vốn đến năm 2021	Kế hoạch vốn năm 2022						Chủ đầu tư
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Hỗ trợ của Thành phố Hồ Chí Minh	
C	Chương trình MTQG nông thôn mới			1.295.000	486.000	490.000		370.600	119.400			Văn phòng điều phối NTM chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	80.000	80.000	62.833	17.167				Sở LĐTBXH chủ trì, phối hợp với Sở KHĐT, Ban Dân tộc tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết

Phụ lục 1.1

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CẮT GIẢM NĂM 2021 BỔ TRÍ LẠI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bổ trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
	Tổng số (A+B)	1.500.000	950.830	
A	Khôi tỉnh	1.027.000	481.230	
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	680.400	334.500	
1	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	11.600		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	30.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
3	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	34.400	34.400	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
4	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	58.700		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
5	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	46.700	46.700	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
6	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	38.000	38.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
7	Xây dựng cầu dân sinh	5.000	5.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
8	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	22.500		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
9	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	20.300	20.300	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
10	Xây dựng cầu nối và sân vườn bệnh viện đa khoa tỉnh	4.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
11	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	21.000	21.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
12	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	15.600	15.600	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
13	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	9.000	9.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	12.200	12.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
15	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	19.000	19.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
16	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nặm, huyện Chơr Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nặm)	29.000	29.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
17	Xây dựng đường Đồng Xoài - Tân Lập (vành đai phía Tây hồ suối Giai)	18.300	18.300	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
18	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	18.000	18.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
19	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	12.000	12.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
20	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800	14.800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
21	Xây dựng Trường THPT Phú Riềng	10.000	10.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
22	GPMB xây dựng trung tâm giáo dục, đổi mới sáng tạo tỉnh	200.000		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
23	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	11.200	11.200	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
24	Tất toán các công trình quyết toán	1.296		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
25	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025	17.804		Ban QLDA ĐTXD tỉnh
II	Các chủ đầu tư khác	346.600	146.730	
1	Hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án BOT đường Đồng Phú Bình Dương	160.000		Công ty cao su Bình Phước
2	Dự án đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025	36.000	36.000	Sở GDĐT
3	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	20.000		Sở Công Thương
4	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và khu dân cư Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	89.100	70.600	Sở Xây dựng
5	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch	5.330	5.330	Sở KHĐT
6	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	10.000	10.000	Đài PTTH và Báo Bình Phước
7	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	10.000	10.000	Đài PTTH và Báo Bình Phước
8	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	1.100		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
9	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	270		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
10	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000	8.000	Công an tỉnh
11	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800	6.800	Công an tỉnh
B	Khối huyện	473.000	469.600	

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
I	Thành phố Đồng Xoài	37.000	37.000	
1	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	20.000	20.000	UBND thành phố Đồng Xoài
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	5.000	5.000	UBND thành phố Đồng Xoài
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đồng)	12.000	12.000	UBND thành phố Đồng Xoài
II	Thị xã Phước Long	5.000	5.000	
1	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	5.000	5.000	UBND thị xã Phước Long
III	Thị xã Bình Long	15.000	13.700	
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	1.300		UBND thị xã Bình Long
2	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	8.700	8.700	UBND thị xã Bình Long
3	Xây dựng trường THPT Bình Long	5.000	5.000	UBND thị xã Bình Long
IV	Huyện Chơn Thành	36.000	36.000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000	36.000	UBND huyện Chơn Thành
V	Huyện Hớn Quản	30.000	30.000	
1	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	15.000	15.000	UBND huyện Hớn Quản
2	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000	5.000	UBND huyện Hớn Quản
3	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan huyện Hớn Quản	10.000	10.000	UBND huyện Hớn Quản
VI	Huyện Đồng Phú	105.000	105.000	
1	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	35.000	35.000	UBND huyện Đồng Phú
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	40.000	40.000	UBND huyện Đồng Phú
3	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	30.000	30.000	UBND huyện Đồng Phú

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
VII	Huyện Bù Đăng	91.000	91.000	
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 50 phòng học	35.000	35.000	UBND huyện Bù Đăng
2	Xây dựng Đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	17.000	17.000	UBND huyện Bù Đăng
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	17.000	17.000	UBND huyện Bù Đăng
4	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	7.000	7.000	UBND huyện Bù Đăng
5	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	7.500	7.500	UBND huyện Bù Đăng
6	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	7.500	7.500	UBND huyện Bù Đăng
VIII	Huyện Lộc Ninh	44.900	44.900	
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	37.400	37.400	UBND huyện Lộc Ninh
2	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500	7.500	UBND huyện Lộc Ninh
IX	Huyện Bù Đốp	51.100	49.000	
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 10 phòng học	7.000	7.000	UBND huyện Bù Đốp
2	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cánh Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000	17.000	UBND huyện Bù Đốp
3	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	2.100		UBND huyện Bù Đốp
4	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Tráng	10.000	10.000	UBND huyện Bù Đốp
5	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15.000	15.000	UBND huyện Bù Đốp
X	Huyện Bù Gia Mập	28.000	28.000	
1	Tinh hỗ trợ có mục tiêu xây dựng 30 phòng học	21.000	21.000	UBND huyện Bù Gia Mập
2	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	7.000	7.000	UBND huyện Bù Gia Mập
XI	Huyện Phú Riềng	30.000	30.000	

STT	Danh mục dự án	Số vốn cắt giảm năm 2021	Số vốn bố trí lại năm 2022	Chủ đầu tư
1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	20.000	20.000	UBND huyện Phú Riềng
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	10.000	10.000	UBND huyện Phú Riềng



KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2022 TẤT TOÁN CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt dự toán	Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư	Ghi chú
	Tổng số		21.385		
1	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019	1500/QĐ-UBND ngày 08/6/2021	265	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM	Không vượt tổng mức đầu tư
2	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện - Tà Nốt) huyện Lộc Ninh (đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu)	1718/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	732	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
3	Dự án Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách) tỉnh Bình Phước	1713/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	7	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
4	Xây dựng hàng rào khu căn cứ Bộ chỉ huy miền tả thiết (giai đoạn 2)	1933/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	91	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
5	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	1934/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	1.591	UBND huyện Đồng Phú	Không vượt tổng mức đầu tư
6	Trường Mầm non Hòa Mi, thị xã Đồng Xoài, (giai đoạn 2)	1938/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	189	UBND thành phố Đồng Xoài	Không vượt tổng mức đầu tư
7	Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2168/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	384	UBND huyện Hớn Quản	Không vượt tổng mức đầu tư
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	2623/QĐ-UBND ngày 09/10/2021	1.985	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
9	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2624/QĐ-UBND ngày 09/10/2021	2.501	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
10	Trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	2716/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	796	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
11	Trường Mẫu giáo Tân Tiến, huyện Bù Đốp	2717/QĐ-UBND ngày 20/10/2021	64	BQLDA đầu tư xây dựng huyện Bù Đốp	Không vượt tổng mức đầu tư
12	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	2845/QĐ-UBND ngày 4/11/2021	98	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
13	Cầu bắc qua sông Bé trên đường ĐT.760 nối dài	3035/QĐ-UBND ngày 30/11/2021	2.129	UBND huyện Bù Gia Mập	Không vượt tổng mức đầu tư
14	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành	3017/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	687	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
15	Xây dựng đường giao thông và công viên khu di tích lịch sử căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	160/QĐ-STC ngày 10/11/2021	1.264	BQLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Không vượt tổng mức đầu tư
16	Trường cấp 2,3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	3090/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	6.717	UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư
17	Trường mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	3081/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	1.885	UBND huyện Chơn Thành	Không vượt tổng mức đầu tư

Biểu số 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		
	TỔNG SỐ		3.140.000	2.891.800	746.647	746.647	30.434	1.000.000	-
	Các chương trình mục tiêu		3.140.000	2.891.800	746.647	746.647	30.434	1.000.000	
I	Các dự án chuyển tiếp		2.255.000	2.021.800	746.647	746.647	30.434	726.800	
1	Giao thông		2.120.000	2.021.800	676.647	676.647	-	696.800	
1.1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	2178/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	220.000	171.800	100.000	100.000		71.800	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1.2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	2292/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 387/QĐ-UBND ngày 08/2/2021	1.450.000	1.450.000	355.647	355.647		500.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
1.3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	987/ QĐ-UBND ngày 7/5/2020	450.000	400.000	221.000	221.000		125.000	Ban QLDA ĐTXD tỉnh
2	Nông nghiệp, thủy lợi		135.000	-	70.000	70.000	-	30.000	
2.1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	161a/QĐ-UBND ngày 21/7/202011/N Q-HĐND ngày 13/7/2020	135.000		70.000	70.000		30.000	UBND thành phố Đồng Xoài
II	Các dự án khởi công mới năm 2022		885.000	870.000	-	-	-	273.200	
1	Giao thông		150.000	135.000	-	-	-	50.000	
1.1	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biền đi cầu Đò xã Lộc Điền)	853/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	150.000	135.000	-			50.000	UBND huyện Lộc Ninh

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số	Trong đó thu hồi các khoản vốn ứng trước		
2	Hạ tầng khu công nghiệp, KKT		585.000	585.000	-	-	-	170.000	
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	551/QĐ-UBND ngày 5/3/2021	185.000	185.000	-			70.000	UBND huyện Hớn Quản
2.2	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	214/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	400.000	400.000	-			100.000	UBND huyện Đồng Phú
3	Quốc phòng		150.000	150.000	-	-	-	53.200	
3.1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh;Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	216/QĐ-UBND ngày 25/1/2021	150.000	150.000	-			53.200	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh

Biểu số 3



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư								Kế hoạch vốn năm 2022	Chủ đầu tư
		Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT							
				Trong đó:							
				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					
				Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt				
							Tổng số	Trong đó:			
			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại							
	TỔNG SỐ		495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	68.900	
1	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	2016/QĐ-UBND ngày 27/7/2016; 920/QĐ-UBND ngày 17/4/2017; 3204/QĐ-UBND ngày 7/12/2017	495.558	43.627	43.627	20.338	451.931	316.351	135.580	68.900	Ban QLDA ĐTXD tỉnh

